



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019



Số: 167/GTr-AFIEX

Long Xuyên, ngày 14 tháng 08 năm 2019

(Giải trình kết quả HĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả HĐKD trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên)

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên tổ chức đăng ký giao dịch: **CTY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**
Mã chứng khoán: AFX
Địa chỉ: Số 2045 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại: 02963 932963; Fax: 02963 932981;
Email: xnknstpagg@hcm.vnn.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện việc công bố thông tin định kỳ của Tổ chức niêm yết và Công ty đại chúng qui mô lớn theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty xin giải trình nguyên nhân kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	6 Tháng đầu năm 2019		Chênh lệch	% tăng, giảm
	(Sau soát xét)	(Trước soát xét)		
Doanh thu thuần về cung cấp HHDV	422.368	422.439	(70)	(0,02)
Giá vốn hàng bán	397.305	397.305	-	0,00
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	25.063	25.133	(70)	(0,28)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	6.363	5.926	437	7,37
Lợi nhuận khác	303	303	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.666	6.229	437	7,02
Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.666	6.229	437	7,02

(*) Thu nhập tính thuế TNDN của CTy bằng không do chuyển lỗ kỳ trước.

Công ty điều chỉnh giảm chi phí tính trước tiền chi thường sản lượng năm cho khách hàng, đã làm giảm chi phí bán hàng và tăng lợi nhuận kế toán trước thuế tương ứng số liệu trước khi soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2019 tại đường dẫn: <http://www.afiex.com.vn>
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

CTY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCK NN
- SGDCCK Hà Nội
- Lưu VT



Nguyễn Thanh Xuân

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint Stock Company (tên viết tắt là Afiex) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Mã Chứng khoán Công ty là: AFX.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0296 3932 963

Fax : 0296 3932 981

Mã số thuế : 1600194461

2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên
Ông Phạm Ngọa Long	Thành viên
Ông Chế Minh Lý	Thành viên
Ông Trần Văn Lắm	Thành viên
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm Soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Trần Khánh Giang	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên
Bà Hồng Lệ Vân	Thành viên

Đại diện pháp luật

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc công bố các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN THANH XUÂN

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2019



Số: 022/2019/BCSX-CT.00106

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang được lập ngày 12 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 08 năm 2019

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		318.389.163.420	331.260.005.101
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.755.847.917	5.988.269.945
Tiền	111	5.1	5.755.847.917	5.988.269.945
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.039.038.836	56.569.925.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	65.383.180.670	55.201.154.148
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.455.348.690	6.341.407.442
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.155.305.711	911.307.836
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(5.954.796.235)	(5.883.944.078)
Hàng tồn kho	140	5.7	244.998.208.914	267.606.461.070
Hàng tồn kho	141		246.795.412.823	269.121.717.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.797.203.909)	(1.515.256.689)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.596.067.753	1.095.348.738
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	1.012.076.294	826.011.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		406.943.767	269.337.555
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		177.047.692	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.490.298.013	164.375.306.098
Tài sản cố định	220		89.896.655.262	94.511.024.744
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	44.642.630.591	48.614.038.294
Nguyên giá	222		271.683.414.691	271.215.905.600
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(227.040.784.100)	(222.601.867.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	45.254.024.671	45.896.986.450
Nguyên giá	228		47.985.268.442	47.985.268.442
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.731.243.771)	(2.088.281.992)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	1.552.928.799	2.033.079.270
Nguyên giá	231		16.137.653.892	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.584.725.093)	(14.104.574.622)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.736.692.735	15.717.711.735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	15.736.692.735	15.717.711.735
Đầu tư tài chính dài hạn	250		25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.654.021.217	26.463.490.349
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	23.654.021.217	26.463.490.349
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		474.879.461.433	495.635.311.199

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	109.750.154.700	131.621.061.690
Nợ ngắn hạn	310	109.305.654.700	131.176.561.690
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	16.921.600.369
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	636.839.669
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	53.098.389
Phải trả người lao động	314		777.380.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	2.012.059.789
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		166.666.668
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.963.030.433
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	86.183.729.451
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.19	591.249.932
Nợ dài hạn	330		444.500.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	444.500.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	365.129.306.733	364.014.249.509
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	365.129.306.733
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		350.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.256.585.962
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.872.720.771
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		206.591.166
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		6.666.129.605
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	474.879.461.433	495.635.311.199



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	427.503.616.000	421.226.047.412
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	5.135.165.190	6.285.786.482
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		422.368.450.810	414.940.260.930
Giá vốn hàng bán	11	6.3	397.305.188.027	396.229.787.820
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.063.262.783	18.710.473.110
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.041.814.991	3.328.037.620
Chi phí tài chính	22	6.5	4.442.690.156	2.397.222.706
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.496.261.085	1.780.291.381
Chi phí bán hàng	25	6.6	10.177.152.453	12.847.733.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	7.122.352.309	5.943.193.492
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.362.882.856	850.361.086
Thu nhập khác	31	6.8	763.359.722	828.312.728
Chi phí khác	32	6.9	460.112.973	428.869.828
Lợi nhuận khác	40		303.246.749	399.442.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.666.129.605	1.249.803.986
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	-	588.301.539
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.666.129.605	661.502.447
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.10	190	19



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.666.129.605	1.249.803.986
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.693.519.953	5.960.587.956
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		352.799.377	(998.138.255)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		488.039	(69.889.731)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.949.399.012)	(3.088.800.896)
Chi phí lãi vay	06		3.496.261.085	1.780.291.381
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13.259.799.047	4.833.854.441
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.544.468.837)	(28.123.187.448)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.326.304.936	(129.911.354.980)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.458.278.861)	21.801.640.527
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.623.404.021	1.525.088.896
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.696.716.325)	(1.653.772.436)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.672.313)	(533.099.064)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.040.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.437.371.668	(132.060.830.064)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(617.981.000)	(236.755.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		14.545.454	12.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.624.702.846	3.076.528.169
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.021.267.300	2.852.044.987

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	306.399.888.416	341.079.266.231
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(324.971.243.123)	(267.791.233.133)
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.119.218.250)	(12.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.690.572.957)	61.038.033.098
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(231.933.989)	(68.170.751.979)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		5.988.269.945	74.378.394.978
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(488.039)	762.119
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	5.755.847.917	6.208.405.118



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay sát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xuất khẩu Lương Thực	khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lương thực
Chi nhánh Xí nghiệp Thức Ăn Chăn nuôi Thủy Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Thức ăn gia súc
Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm Súc Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lâm súc sản
Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Áp Trung Bình Tiến, xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.	Chăn nuôi
Ban quản lý dự án Khu dân cư TTTM Nam Châu Đốc	Áp Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	Bất động sản
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 1, Số 283/26-28 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang	12 Nguyễn Huệ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	15%	15%	15%
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	25%	25%	25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được so sánh với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 250 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 247 người).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty có khoản vay ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần thực hiện phân bổ.

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác chờ phân bổ như: đàn heo mẹ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế là 80 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	04 - 25 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	17 năm
Máy móc, thiết bị	20 - 30 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong kỳ, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.18 Quỹ tiền lương

Công ty đã tạm trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019 theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.19 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong kỳ, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương cơ bản vào chi phí là: 2%.

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Quan hệ

Cổ đông lớn
Công ty liên doanh
Công ty liên doanh
Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt - VND	1.179.067.824	1.366.932.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.576.780.093	4.621.337.628
- VND	4.441.380.143	4.306.112.655
- EUR (*)	6.444.974	6.581.068
- USD (*)	128.954.976	308.643.905
	5.755.847.917	5.988.269.945

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ VND	Tương đương VND
- EUR	244,45	6.444.974
- USD	5.546,34	128.954.976
		135.399.950

5.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	6.900.000.000	-	(*)	6.900.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	18.750.000.000	-	(*)	18.750.000.000	-	(*)
	25.650.000.000	-		25.650.000.000	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần	-	5.928.919.631
Phải thu các khách hàng khác		
Cửa hàng Hoàng Quý	7.880.176.614	8.303.637.549
Công ty CP XNK Thủy Sản An Mỹ	-	7.640.892.000
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.126.429.440	1.126.429.440
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	354.666.400	762.287.554
Ông Trần Quang Khải (Thoại Sơn)	817.971.150	2.701.685.150
Ông Trần Chí Thiện	6.772.996.080	2.919.489.080
Các khách hàng khác	48.430.940.986	25.817.813.744
	65.383.180.670	55.201.154.148

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Pesquera Pacifica Star S.A	2.916.257.190	5.329.874.832
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	979.672.500
Các khách hàng khác	559.419.000	31.860.110
	<u>4.455.348.690</u>	<u>6.341.407.442</u>

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư chi phí sản xuất mì và cấp hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	140.455.087	-	140.455.087	-
Tiền đặt cọc thuê nhà cho Chi Nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	96.000.000	-	78.000.000	-
Công ty TNHH Thanh Nguyễn - Phải thu về lãi bán hàng chậm trả	605.238.149	(605.238.149)	605.238.149	(605.238.149)
Phải thu từ lợi nhuận được chia năm 2018 vốn góp liên doanh Công Ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	1.310.150.712	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.461.763	-	87.614.600	-
	<u>2.155.305.711</u>	<u>(605.238.149)</u>	<u>911.307.836</u>	<u>(605.238.149)</u>

5.6 Nợ xấu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm				
Bà Võ Thị Kim Mai	236.173.858	165.321.701	-	-
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên				
Công ty cổ phần Việt An	3.172.603.989	-	3.172.603.989	-
Công ty TNHH Thanh Nguyễn	1.731.667.589	-	1.731.667.589	-
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	-	979.672.500	-
	<u>6.120.117.936</u>	<u>165.321.701</u>	<u>5.883.944.078</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(4.904.271.578)	(979.672.500)	(5.883.944.078)
Trích lập dự phòng	(70.852.157)	-	(70.852.157)
Tại ngày 30/06/2019	(4.975.123.735)	(979.672.500)	(5.954.796.235)

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	19.606.047.316	-
Nguyên liệu, vật liệu	69.265.134.685	-	110.529.965.281	-
Công cụ, dụng cụ	3.149.234.458	-	2.762.446.833	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.895.667.252	(661.570.890)	14.803.442.229	-
Thành phẩm	89.393.939.486	-	67.041.637.692	-
Hàng hoá	57.089.904.661	(1.135.633.019)	54.378.178.408	(1.515.256.689)
Hàng gửi đi bán	1.532.281	-	-	-
	246.795.412.823	(1.797.203.909)	269.121.717.759	(1.515.256.689)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với tổng giá trị là 3,2 triệu USD.

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	347.357.085	583.903.300
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	343.806.404	94.428.063
Chi phí hội nghị	150.428.571	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.484.234	147.679.820
	1.012.076.294	826.011.183

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	18.386.411.986	21.215.090.752
Giá trị đàn heo chờ phân bổ	2.380.802.280	2.446.755.240
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.886.806.951	2.801.644.357
	23.654.021.217	26.463.490.349

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong vòng 10 năm. Tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo Thông tư 138/2012/TT-BTC đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là: 38.187.163.341 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2019	122.335.454.411	121.396.394.018	20.930.838.478	3.490.527.705	3.062.690.988	271.215.905.600
Tăng từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	94.000.000	505.000.000	-	-	599.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(55.000.000)	-	(76.490.909)	-	(131.490.909)
Vào ngày 30/06/2019	122.335.454.411	121.435.394.018	21.435.838.478	3.414.036.796	3.062.690.988	271.683.414.691
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2019	93.784.692.506	105.937.100.615	18.031.155.971	2.938.744.418	1.910.173.796	222.601.867.306
Khấu hao trong kỳ	1.679.251.077	2.411.095.221	282.196.099	145.637.235	52.228.071	4.570.407.703
Thanh lý, nhượng bán	-	(55.000.000)	-	(76.490.909)	-	(131.490.909)
Vào ngày 30/06/2019	95.463.943.583	108.293.195.836	18.313.352.070	3.007.890.744	1.962.401.867	227.040.784.100
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2019	28.550.761.905	15.459.293.403	2.899.682.507	551.783.287	1.152.517.192	48.614.038.294
Vào ngày 30/06/2019	26.871.510.828	13.142.198.182	3.122.486.408	406.146.052	1.100.289.121	44.642.630.591
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2019	52.635.023.453	52.156.548.059	14.838.150.584	1.229.257.336	1.107.761.170	121.966.740.602
Vào ngày 30/06/2019	53.582.334.515	58.213.006.589	16.247.884.846	1.182.766.427	1.107.761.170	130.333.753.547
Giá trị tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay						
Vào ngày 01/01/2019	14.923.678.154	10.463.504.663	-	-	-	25.387.182.817
Vào ngày 30/06/2019	14.252.400.307	8.563.939.622	-	-	-	22.816.339.929

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
			VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2019	47.726.874.572	258.393.870	47.985.268.442
Vào ngày 30/06/2019	47.726.874.572	258.393.870	47.985.268.442
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2019	1.843.820.422	244.461.570	2.088.281.992
Khấu hao trong kỳ	632.761.125	10.200.654	642.961.779
Vào ngày 30/06/2019	2.476.581.547	254.662.224	2.731.243.771
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2019	45.883.054.150	13.932.300	45.896.986.450
Vào ngày 30/06/2019	45.250.293.025	3.731.646	45.254.024.671
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Vào ngày 01/01/2019	-	92.195.940	92.195.940
Vào ngày 30/06/2019	-	129.901.440	129.901.440
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty:			
Vào ngày 01/01/2019	44.040.959.754	-	44.040.959.754
Vào ngày 30/06/2019	43.408.198.629	-	43.408.198.629

5.11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2019	16.137.653.892	16.137.653.892
Vào ngày 30/06/2019	16.137.653.892	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2019	14.104.574.622	14.104.574.622
Khấu hao trong kỳ	480.150.471	480.150.471
Vào ngày 30/06/2019	14.584.725.093	14.584.725.093
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2019	2.033.079.270	2.033.079.270
Vào ngày 30/06/2019	1.552.928.799	1.552.928.799

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Giảm khác	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
Cần tự động TC.30	-	94.000.000	(94.000.000)	-	-
Xe nâng hàng	-	505.000.000	(505.000.000)	-	-
Xây dựng cơ bản					
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc (*)	15.717.711.735	-	-	-	15.717.711.735
Cải tạo Chiatung 1	-	18.981.000	-	-	18.981.000
Bè sắt cho cá ăn	-	25.770.000	-	(25.770.000)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định					
Thay tole kho A (Phân xưởng 2)	-	285.351.000	-	(285.351.000)	-
Sửa chữa tài sản cố định khác	-	45.699.000	-	(45.699.000)	-
Vào ngày 30/06/2019	15.717.711.735	974.801.000	(599.000.000)	(356.820.000)	15.736.692.735

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú với diện tích 22.287,4 m² tương ứng với tổng giá trị là 15.717.711.735 VND hiện tạm dừng đầu tư để thực hiện chuyển nhượng hoặc khai thác các phương án sử dụng khác có hiệu quả hơn theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Bột Mi Đại Phong	-	3.313.347.000
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Trại Việt	4.447.713.000	1.917.552.000
Công ty TNHH Thiết Lập	-	2.940.100.000
DNTN Nam Thành	2.462.750.000	-
Công ty TNHH Hiệp Lực	1.887.760.800	-
Các khách hàng khác	8.123.376.569	10.922.481.679
	<u>16.921.600.369</u>	<u>19.093.480.679</u>

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Trương Văn Sẻ (Bình Hòa)	-	13.026.146
Bà Bạch Thủy Kiều Phương (Hồng Ngự)	-	626.465.402
Bà Trần Thị Hoa (An Phú)	117.337.393	196.832.178
DNTN Đức Nhơn Tân Châu	116.113.781	4.679.973
Bà Neang Pha Ly (Hà Tiên)	52.420.044	237.353.171
Ông Lê Hữu Tài (Mỹ Tho)	53.750.098	154.878.510
Bà Trương Kim Anh (Long Kiến)	92.794.775	183.465.927
Trạm Thú Y Châu Phú	103.702.556	50.197.045
Các khách hàng khác	100.721.022	569.361.946
	<u>636.839.669</u>	<u>2.036.260.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-			-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.354.754.158	(1.529.301.850)	174.547.692	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	30.172.313		(32.672.313)	2.500.000	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	51.420.877	110.685.881	(109.933.489)	-	52.173.269
Thuế Tài nguyên	-	985.600	5.465.600	(5.526.080)	-	925.120
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.490.287.262	(1.490.287.262)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	17.195.172	(17.195.172)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.941.800	4.125.595	(6.067.395)	-	-
	-	84.520.590	2.982.513.668	(3.190.983.561)	177.047.692	53.098.389

(*) Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 30/06/2019 nộp thừa từ hoạt động kinh doanh chính là 2.500.000 VND

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuế Thu nhập doanh nghiệp "TNDN" hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.389.088.838	(573.105.211)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.907.703.853)	(2.189.905.842)
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.500.000	143.906.110
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.932.203.853)	(2.333.811.952)
Tổng thu nhập chịu thuế	4.481.384.985	(2.763.011.053)
Chuyển lỗ các năm trước	(3.758.425.752)	-
Lỗ thu nhập tính thuế Hoạt động KDBĐS năm nay	(722.959.233)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.763.011.053)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(722.959.233)	1.822.909.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	306.619.356
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	428.775.466
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(122.156.110)
Tổng thu nhập chịu thuế	(722.959.233)	2.129.528.553
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.129.528.553
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích bổ sung các năm trước	-	162.395.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ	-	425.905.711
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	588.301.539

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Trích trước chi phí lãi vay	172.513.891	372.969.131
Trích trước phí vận chuyển	247.904.200	71.577.000
Trích trước tiền thù lao của HĐQT và BKS	-	384.000.000
Trích trước tiền ăn giữa ca	73.780.000	-
Trích trước chi phí tiếp thị	74.744.248	-
Trích trước chi phí phát triển thị trường	1.368.680.394	-
Trích trước các khoản chi phí khác	74.437.056	71.667.293
	2.012.059.789	900.213.424

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.971.088	47.188.030
Bảo hiểm xã hội	389.023.691	607.889.379
Bảo hiểm y tế	-	37.274.532
Bảo hiểm thất nghiệp	29.162.858	47.677.667
Phải trả về cổ phần hoá	435.857.100	435.857.100
Chiết khấu thương mại phải trả cho khách hàng	694.837.096	349.624.454
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	219.692.250	88.910.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.486.350	528.253.328
	1.963.030.433	2.142.674.990

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	444.500.000	444.500.000
	444.500.000	444.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>				
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh An Giang	2.848.978.695	2.848.978.695	363.340.000	363.340.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	9.867.233.445	9.867.233.445	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	71.480.982.086	71.480.982.086	39.348.290.887	39.348.290.887
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.100.000.000	1.100.000.000	63.748.021.446	63.748.021.446
Vay cá nhân	886.535.225	886.535.225	1.295.431.825	1.295.431.825
	86.183.729.451	86.183.729.451	104.755.084.158	104.755.084.158

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có số dư và lãi suất vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 được trình bày như sau:

	30/06/2019			01/01/2019		
	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND
Vietinbank - CN An Giang	3,8	4	2.848.978.695	5,8	3	363.340.000
Vietcombank - CN An Giang	6 - 6,2	4 - 6	9.867.233.445	-	-	-
BIDV - CN An Giang	5,8 - 6,0	4 - 6	71.480.982.086	5,5	4	39.348.290.887
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	5,8	4	1.100.000.000	4,8	4	63.748.021.446
Vay cá nhân	5,28	12	886.535.225	5,28	12	1.295.431.825
			86.183.729.451			104.755.084.158

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

		01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2019
		VND	VND	VND	VND
Vietinbank - CN An Giang	(a)	363.340.000	2.848.978.695	(363.340.000)	2.848.978.695
Vietcombank - CN An Giang	(b)	-	128.356.139.177	(118.488.905.732)	9.867.233.445
BIDV - CN An Giang (VND)	(c)	39.348.290.887	164.629.579.144	(132.496.887.945)	71.480.982.086
BIDV - CN An Giang (USD)		-	4.705.661.000	(4.705.661.000)	-
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	(d)	63.748.021.446	5.550.000.000	(68.198.021.446)	1.100.000.000
Vay cá nhân	(e)	1.295.431.825	309.530.400	(718.427.000)	886.535.225
		104.755.084.158	306.399.888.416	(324.971.243.123)	86.183.729.451

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi, lúa gạo của Công ty.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 30/06/2019 là 31.024.743.396 VND.

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 130.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi, tạo chân hàng, xuất khẩu lương thực.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 30/06/2019 là 23.010.342.535 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

(c) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,...
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 30/06/2019 là 8.274.498.181 VND.

(d) Đây là khoản vay của của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với các chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 6.400.000 USD quy đổi VND tương đương.
Mục đích vay	: Đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản cố định, các khoản phải thu và hàng hóa trong kho.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản cố định được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 30/06/2019 là 3.914.954.446 VND. Và Thế chấp các khoản phải thu 3,2 triệu USD, giá trị hàng hóa trong kho 3,2 triệu USD.

(e) Đây là khoản vay cá nhân với lãi suất bằng với lãi suất thị trường theo từng thời điểm vay vốn. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2019 VND	Trích quỹ trong kỳ VND	Chi quỹ trong kỳ VND	30/06/2019 VND
Quỹ khen thưởng	1.324.889.905	301.072.381	(1.040.000.000)	585.962.286
Quỹ phúc lợi	5.287.646	-	-	5.287.646
	1.330.177.551	301.072.381	(1.040.000.000)	591.249.932

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	14.371.097.437	371.248.778.710
Lãi trong kỳ	-	-	-	661.502.447	661.502.447
Điều chuyển quỹ	-	2.002.602.581	(2.002.602.581)	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	1.077.832.308	-	(1.077.832.308)	-
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.005.976.821)	(1.005.976.821)
Tại ngày 30/06/2018	350.000.000.000	7.955.513.581	-	698.790.755	358.654.304.336
Tại ngày 01/07/2018	350.000.000.000	7.955.513.581	-	698.790.755	358.654.304.336
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.359.945.173	5.359.945.173
Tại ngày 31/12/2018	350.000.000.000	7.955.513.581	-	6.058.735.928	364.014.249.509
Tại ngày 01/01/2019	350.000.000.000	7.955.513.581	-	6.058.735.928	364.014.249.509
Lãi trong kỳ	-	-	-	6.666.129.605	6.666.129.605
Trích lập các quỹ	-	301.072.381	-	(301.072.381)	-
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(301.072.381)	(301.072.381)
Tại ngày 30/06/2019	350.000.000.000	8.256.585.962	-	6.872.720.771	365.129.306.733

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.20.2 Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp Nhà nước - Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	178.500.000.000	51,00%	178.500.000.000	51,00%
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần	71.816.500.000	20,52%	71.816.500.000	20,52%
Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	30.187.500.000	8,63%	30.187.500.000	8,63%
Cổ đông khác	69.496.000.000	19,85%	69.496.000.000	19,85%
	350.000.000.000	100,00%	350.000.000.000	100,00%

5.20.3 Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận 2018 Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 24/2019/NQ.ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019:

	VND
Chia cổ tức trong kỳ (1,5% Vốn điều lệ)	5.250.000.000
Trích lập các quỹ	602.144.762
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển (5% Lợi nhuận sau thuế)	301.072.381
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế)	301.072.381

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	30/06/2019	01/01/2019
	Dollar Mỹ (USD)	5.546,34
Euro (EUR)	244,45	249,91

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng Doanh thu**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	419.791.371.282	402.525.628.311
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.711.994.718	10.550.374.557
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	250.000	8.150.044.544
	427.503.616.000	421.226.047.412

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn – An Giang	- 11.137.500	15.320.433.970 174.978.800
	11.137.500	15.495.412.770

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.863.787.990	5.700.176.495
Hàng bán bị trả lại	271.377.200	585.609.987
	5.135.165.190	6.285.786.482

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	391.074.572.502	383.007.998.003
Giá vốn của dịch vụ	5.948.668.305	8.362.967.047
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	5.256.961.025
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	281.947.220	(398.138.255)
	397.305.188.027	396.229.787.820

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.649.705	1.162.208.589
Lãi góp vốn liên doanh	2.932.203.853	1.914.319.580
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	106.961.433	170.934.788
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	69.889.731
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.684.932
	3.041.814.991	3.328.037.620

6.5 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.496.261.085	1.780.291.381
Chiết khấu thanh toán	842.895.374	566.933.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	103.045.658	49.997.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	488.039	-
	4.442.690.156	2.397.222.706

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.6 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.473.861.792	1.660.090.997
Chi phí vật liệu, bao bì	449.922.704	605.108.078
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	40.643.789	58.947.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	511.662.120	511.662.120
Chi khuyến mãi, phát triển thị trường	1.657.965.170	2.012.282.245
Chi phí vận chuyển	2.813.751.309	4.307.618.169
Chi phí bán hàng khác	3.229.345.569	3.692.023.998
	10.177.152.453	12.847.733.446

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.798.285.767	2.113.665.191
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	82.799.940	66.451.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.582.957	187.413.876
Chi phí thuê, lệ phí	52.502.404	52.156.404
Chi phí dự phòng	70.852.157	(600.000.000)
Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh	2.828.678.766	2.828.678.766
Chi phí quản lý khác	1.176.650.318	1.294.827.824
	7.122.352.309	5.943.193.492

6.8 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	14.545.454	12.272.727
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>14.545.454</i>	<i>12.272.727</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu từ bán heo loại, công cụ lao động	540.905.183	645.132.001
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	106.891.197	48.249.000
Thu từ cho thuê tài sản	88.290.614	-
Thu nhập từ chiết khấu hàng hóa	-	52.659.000
Bồi thường, phạt vi phạm	-	50.000.000
Thu nhập khác	12.727.274	20.000.000
	763.359.722	828.312.728

6.9 Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại của heo loại, công cụ lao động	298.518.359	331.595.734
Bồi thường hao hụt hàng hóa	48.804.000	48.241.000
Chi cho thuê tài sản	88.290.614	-
Chi phí khác	24.500.000	49.033.094
	460.112.973	428.869.828

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.666.129.605	661.502.447
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.666.129.605	661.502.447
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	190	19

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	437.466.228.321	479.533.154.521
Chi phí nhân công	16.060.015.644	14.791.687.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.693.519.953	5.960.587.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.953.819.916	25.316.699.021
Chi phí khác	8.829.400.742	9.586.360.151
	492.002.984.576	535.188.489.548

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	306.399.888.416	341.079.266.231
	306.399.888.416	341.079.266.231

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	324.971.243.123	267.791.233.133
	324.971.243.123	267.791.233.133

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	86.183.729.451	-	86.183.729.451
Phải trả người bán, phải trả khác	17.998.616.065	444.500.000	18.443.116.065
Chi phí phải trả	2.012.059.789	-	2.012.059.789
	106.194.405.305	444.500.000	106.638.905.305
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	104.755.084.158	-	104.755.084.158
Phải trả người bán, phải trả khác	20.060.268.961	444.500.000	20.504.768.961
Chi phí phải trả	900.213.424	-	900.213.424
	125.715.566.543	444.500.000	126.160.066.543

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7, 5.9, 5.10).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2019 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2019 VND	Ngày 30 tháng 06 năm 2019 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2019 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	61.013.295.084	44.973.201.088	61.013.295.084	44.973.201.088
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	5.928.919.631	-	5.928.919.631
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.550.067.562	306.069.687	1.550.067.562	306.069.687
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.755.847.917	5.988.269.945	5.755.847.917	5.988.269.945
Tổng Cộng	68.319.210.563	57.196.460.351	68.319.210.563	57.196.460.351
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Vay và nợ</i>	86.183.729.451	104.755.084.158	86.183.729.451	104.755.084.158
<i>Phải trả người bán</i>	16.921.600.369	19.093.480.679	16.921.600.369	19.093.480.679
<i>Phải trả khác</i>	1.521.515.696	1.061.663.828	1.521.515.696	1.061.663.828
<i>Chi phí phải trả</i>	2.012.059.789	900.213.424	2.012.059.789	900.213.424
Tổng Cộng	106.638.905.305	125.810.442.089	106.638.905.305	125.810.442.089

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Lương, thưởng và thù lao	970.300.000	878.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết:

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Công ty TNHH Thương Mại Sài Gòn - An Giang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.137.500	174.978.800
Lãi góp vốn liên doanh	1.622.053.141	1.914.319.580
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc		
Lãi góp vốn liên doanh	1.310.150.712	-

Công nợ phải thu với công ty liên doanh, liên kết như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc		
Lãi góp vốn liên doanh	1.310.150.712	-

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	15.320.433.970
Phí giao nhận, phí ủy thác	-	133.140.703

Công nợ phải thu với bên liên quan khác như sau:

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần		
Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.928.919.631

9.2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

9.2.1. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản
- Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
06 tháng đầu năm 2019			
Doanh thu thuần	414.656.206.092	7.712.244.718	422.368.450.810
Chi phí chờ phân bổ	(391.356.519.722)	(5.948.668.305)	(397.305.188.027)
Kết quả kinh doanh bộ phận	23.299.686.370	1.763.576.413	25.063.262.783
Chi phí không phân bổ			(17.299.504.762)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.041.814.991
Chi phí hoạt động tài chính			(4.442.690.156)
Thu nhập khác			763.359.722
Chi phí khác			(460.112.973)
Lợi nhuận trước thuế			6.666.129.605
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN			6.666.129.605
Vào ngày 30/06/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	397.967.636.437	18.437.217.063	416.404.853.500
Tài sản không phân bổ			58.474.607.933
Tổng tài sản	397.967.636.437	18.437.217.063	474.879.461.433
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	243.640.390.270	18.285.387.694	261.925.777.964
Nợ phải trả không phân bổ			(152.175.623.264)
Tổng nợ phải trả	243.640.390.270	18.285.387.694	109.750.154.700

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Cộng
	VND	VND	VND
06 tháng đầu năm 2018			
Doanh thu thuần	396.239.841.829	18.700.419.101	414.940.260.930
Chi phí chờ phân bổ	(382.609.859.748)	(13.619.928.072)	(396.229.787.820)
Kết quả kinh doanh bộ phận	13.629.982.081	5.080.491.029	18.710.473.110
Chi phí không phân bổ			(18.790.926.938)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.328.037.620
Chi phí hoạt động tài chính			(2.397.222.706)
Thu nhập khác			828.312.728
Chi phí khác			(428.869.828)
Lợi nhuận trước thuế			1.249.803.986
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(588.301.539)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			661.502.447
Vào ngày 01/01/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	415.632.091.493	19.221.294.335	434.853.385.828
Tài sản không phân bổ			60.781.925.371
Tổng tài sản	415.632.091.493	19.221.294.335	495.635.311.199
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	266.632.091.493	17.612.610.385	284.244.701.878
Nợ phải trả không phân bổ			(152.623.640.188)
Tổng nợ phải trả	266.632.091.493	17.612.610.385	131.621.061.690

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý bao gồm nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ nên Công ty không trình bày.

9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập

TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 12 tháng 08 năm 2019